

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2026/DS-ST

Ngày: 04-6-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Bạc Thị Liên

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Phương

Bà Nguyễn Thị Lan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Đặng Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Vũ Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án 1- Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2026/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 04 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXX-ST ngày 29 tháng 04 năm 2026; **Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2026**

- **Nguyên đơn:** Chị Lường Thị T - Sinh năm: 2001; Địa chỉ: Bản Biêng, xã Quài Tở, tỉnh Đ. Có đơn xin xét xử mặt

- **Bị đơn:** Anh Lường Văn Đ - Sinh năm: 1999; Địa chỉ: Bản Bua 1, xã Búng Lao, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22/3/2026 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, chị Lường Thị T (nguyên đơn) trình bày:

- **Về hôn nhân:** Tôi và anh Lường Văn Đ Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quài Tở, huyện T cũ (Nay là xã Q, tỉnh Đ) vào ngày 18/02/2019 kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn chúng tôi sống chung cùng bố mẹ đẻ của tôi tại B, xã Quài Tở, huyện T, tỉnh Đ (Nay là xã Q, tỉnh Điện Biên). Tôi và

anh Đ sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh Đ không quan tâm đến gia đình vợ con. Hai vợ chồng cũng nhiều lần tự hòa giải nhưng vẫn không hòa hợp được. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Anh Đ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại B 1, xã B, tỉnh Điện Biên để sinh sống. Từ khi sống ly thân chúng tôi không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, liên lạc gì với nhau. Hiện tại về tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án nhân dân khu Vực 1 - Điện Biên cho tôi được ly hôn với anh Lương Văn Đ.

- **Về con chung:** Chúng tôi có 01 người con chung Lương Duy B, sinh ngày 02 tháng 04 năm 2021 hiện nay cháu đang sống cùng tôi tại Bản Biếng, xã Q, tỉnh Điện Biên. Khi ly hôn tôi yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Lương Duy B cho tôi trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản:** Không có

2. Đối với bị đơn: Ngày 02/4/2026, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị Lương Thị T cho anh Lương Văn Đ được biết, giao Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh Đ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Thông báo thụ lý vụ án, anh Đ không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành giao Thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án hợp lệ cho anh Đ, nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 29/4/2026 Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh Đương nhưng anh Đương vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa và tiến hành tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Đương đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho tòa chị Lương Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

Anh Lương Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Bị đơn có địa chỉ tại B 1, xã B, tỉnh Đ do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177/BLTTDS, việc anh Lường Văn Đ không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70,72/BLTTDS là do anh Đ đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Anh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà chị Tỉnh có đơn xin xét xử vắng mặt cho nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Theo lời khai của chị T và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do trưởng bản B xã Q xác nhận cho thấy Chị Lường Thị T và anh Lường Văn Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quài T, tỉnh Điện Biên. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị Tỉnh cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Đương không quan tâm đến gia đình vợ con. Hai vợ chồng cũng nhiều lần tự hòa giải nhưng vẫn không hòa hợp được. Hai anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Bản thân chị Tỉnh thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ

Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến phản hồi bằng văn bản về tình trạng hôn nhân anh Đ bỏ mặc và tự từ bỏ quyền nghĩa vụ của mình,

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị Lường Thị T và giải thoát cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không còn đem lại hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị không dành thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này do hai anh chị xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, trầm trọng. Bản thân anh Đ không có ý định hàn gắn tình cảm. Anh Đ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại B 1, xã B, tỉnh Đ để sinh sống cho đến nay.

Hai anh chị đã ly thân nhiều năm nay như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị Tỉnh. Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Lường Thị T xử cho ly hôn chị Lường Thị T và anh Lường Văn Đ.

[3]. Về con chung: Xét thấy hiện tại chị T mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Hơn nữa anh Đ bỏ mặc không quan tâm đến con và thường xuyên vắng nhà không có thời gian chăm sóc con. Như vậy không đảm bảo sự phát triển của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị T: Giao cháu cháu Lương Duy B, sinh ngày 02/4/2021 cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4]. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[5]. Về án phí: Chị T là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế khó khăn của xã thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, Điều 69, Điều 81, 82, 83, 84 của Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn với anh Lương Văn Đ

2. Về con chung: Chị Lương Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Duy B, sinh ngày 02/4/2021 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS, điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Lương Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 – Điện Biên;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh DB;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên